

Please purchase a personal license.



Hình thức pháp luật

ThS. Nguyễn Thu Ba
Khoa Luật Đại học KTQD
email: bgtb@hn.vnn.vn



Nội dung chương 3

- I. Khái niệm, phân loại hình thức pháp luật
- II. Văn bản quy phạm pháp luật – Hình thức pháp luật của nhà nước CHXHCN Việt Nam
- III. Hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật
- IV. Điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia
- V. Hệ thống hoá pháp luật.



TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHƯƠNG III

1. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội thông qua ngày 3-6-2008.
2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân do Quốc hội thông qua ngày 3-12-2004.
3. Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế do Quốc hội thông qua ngày 14-6-2005
4. Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 5-3-2009 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật
5. Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 6-9-2006 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Khái niệm, phân loại hình thức pháp luật



- Khái niệm hình thức pháp luật
- Phân loại hình thức pháp luật



Khái niệm hình thức pháp luật

Hình thức pháp luật (hay còn gọi là nguồn pháp luật) là cách thức biểu hiện ý chí của giai cấp thống trị mà thông qua đó, ý chí trở thành pháp luật.



Phân loại hình thức pháp luật

- Tập quán pháp
- Tiền lệ pháp
- Văn bản quy phạm pháp luật



Tập quán pháp

- **Tập quán pháp** là hình thức Nhà nước thừa nhận các phong tục, tập quán lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị và nâng chúng lên thành pháp luật.
 - Tập quán pháp là hình thức pháp luật ra đời sớm nhất.
 - Hiện còn tồn tại ở một số quốc gia kém phát triển trên thế giới.



Tiền lệ pháp

- **Tiền lệ pháp** (còn gọi là án lệ) là việc nhà nước thừa nhận các bản án của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan hành chính, lấy các bản án hoặc quyết định đó làm căn cứ để giải quyết những sự việc tương tự xảy ra trong thời gian sau này.

Hình thức pháp luật này đã được sử dụng trong nhà nước chủ nô và được sử dụng rộng rãi trong các nhà nước phong kiến.

Hiện nay tiền lệ pháp vẫn còn có vị trí quan trọng trong pháp luật tư sản, nhất là ở các nước thuộc hệ thống pháp luật Anh - Mỹ (Common Law). Hình thức pháp luật này xuất phát từ hoạt động của cơ quan hành pháp và tư pháp.



Văn bản quy phạm pháp luật

- **Văn bản quy phạm pháp luật** là hình thức pháp luật do các cơ quan nhà nước ban hành dưới hình thức văn bản (pháp luật thành văn).

Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật tiến bộ nhất, nó có khả năng phản ánh rõ ràng nhất nội dung và các dấu hiệu thuộc bản chất của pháp luật, tức là phản ánh rõ tính giai cấp, tính quy phạm phổ biến, tính xác định, chặt chẽ về mặt hình thức và có hiệu lực cao trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Văn bản quy phạm pháp luật thể hiện dưới các hình thức cụ thể như Hiến pháp, luật, sắc lệnh v.v.



Nguồn luật của các nước theo hệ thống luật Châu Âu lục địa

- Hiến pháp
- Các đạo luật
- Văn bản cơ quan hành chính
- Các nước thuộc EU: Luật của EU.

Nguồn luật của các nước theo hệ thống thông luật (common law)



- Hiến pháp
- Án lệ
- Các đạo luật
- Văn bản của cơ quan hành chính.

II. Văn bản quy phạm pháp luật – Hình thức pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam



- Khái niệm
- Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật
- Nguyên tắc ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước ta.



Khái niệm

“**Văn bản quy phạm pháp luật** là văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục được quy định trong Luật này hoặc trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, trong đó có quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội”.

(Điều 1, Luật ban hành VBQPPL 2008).

Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật



- Phải do các cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền ban hành với những hình thức do pháp luật quy định (Là văn bản nhà nước).
- Trình tự, thủ tục ban hành văn bản được quy định chặt chẽ trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Nội dung của văn bản có chứa các quy tắc xử sự chung.
- Nhà nước bảo đảm việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật.



Nguyên tắc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.
2. Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
3. Bảo đảm tính công khai trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trừ trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước; bảo đảm tính minh bạch trong các quy định của văn bản quy phạm pháp luật.
4. Bảo đảm tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật.
5. Không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trong trường hợp khẩn cấp hoặc cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành thì việc xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có thể được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 75 Luật BHVBQPPL 2008)

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước Việt Nam

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Điều 2 Luật BHVBQPPL 2008) (12)

1. Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.
2. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
3. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
4. Nghị định của Chính phủ.
5. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
6. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
7. Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
8. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
9. Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước.
10. Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.
11. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
12. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.



Văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội

- **Hiến pháp** là Luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất.
- **Luật, Bộ luật (Đạo luật)** là văn bản quy phạm pháp luật có giá trị sau Hiến pháp.
- **Nghị quyết** của Quốc hội được ban hành để quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, chính sách dân tộc, tôn giáo, đối ngoại, quốc phòng, an ninh...



Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban thường vụ Quốc hội

- **Pháp lệnh** quy định những vấn đề được Quốc hội giao, sau một thời gian thực hiện, trình Quốc hội xem xét, quyết định ban hành thành luật.
- **Nghị quyết** của Ủy ban thường vụ Quốc hội được ban hành để giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh, giám sát việc thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, giám sát hoạt động của Chính phủ...



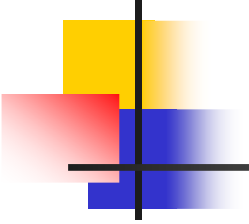
Văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch nước

- **Lệnh** của Chủ tịch nước ban hành để công bố tình trạng khẩn cấp; tổng động viên hoặc động viên cục bộ trong những trường hợp cần thiết.
- **Quyết định** là văn bản của Chủ tịch nước để thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước do Hiến pháp, luật quy định.

Văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ

Nghị định của Chính phủ:

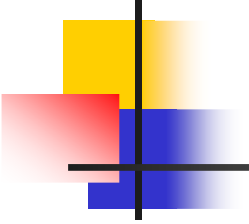
1. Quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;
2. Quy định các biện pháp cụ thể để thực hiện chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ;
3. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ;
4. Quy định những vấn đề cần thiết nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Việc ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.



Văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định:

1. Biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở; chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;
2. Biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; kiểm tra hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.



Văn bản QPPL của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành để quy định các vấn đề sau đây:

1. Quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
2. Quy định về quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực do mình phụ trách;
3. Quy định biện pháp để thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực do mình phụ trách và những vấn đề khác do Chính phủ giao.



Văn bản quy phạm pháp luật của Tòa án nhân dân tối cao

- **Nghị quyết** của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được ban hành để hướng dẫn các Tòa án áp dụng thống nhất pháp
- **Thông tư** của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao được ban hành để thực hiện việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương và Tòa án quân sự về tổ chức; quy định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chánh án Tòa án nhân dân tối



Văn bản quy phạm pháp luật của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành để quy định các biện pháp bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân địa phương, Viện kiểm sát quân sự; quy định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.



Văn bản của Tổng Kiểm toán Nhà nước

Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước được ban hành để quy định, hướng dẫn các chuẩn mực kiểm toán nhà nước; quy định cụ thể quy trình kiểm toán, hồ sơ kiểm toán.

Văn bản quy phạm pháp luật liên tịch

1. **Nghị quyết liên tịch** giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội được ban hành để hướng dẫn thi hành những vấn đề khi pháp luật quy định về việc tổ chức chính trị - xã hội đó tham gia quản lý nhà nước.

2. **Thông tư liên tịch** giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành để hướng dẫn việc áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động tố tụng và những vấn đề khác liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan đó.

3. **Thông tư liên tịch** giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành để hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ đó.



Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

- **Nghị quyết** của HĐND quy định các vấn đề về các biện pháp bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; về kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách; về quốc phòng, an ninh ở địa phương.
- **Quyết định, Chỉ thị** của Ủy ban nhân dân được ban hành để thi hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan Nhà nước cấp trên và thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế – xã hội, củng cố quốc phòng an ninh.

III. Hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật



- Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật
- Nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật.

Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật



- Hiệu lực theo thời gian
- Hiệu lực về không gian và đối tượng tác động.



Hiệu lực theo thời gian

- Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật
- Hiệu lực trở về trước
- Ngưng hiệu lực của văn bản
- Những trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực.

Công bố luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch nước ban hành lệnh để công bố luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong thời hạn chậm nhất là *mười lăm ngày*, kể từ ngày luật, pháp lệnh, nghị quyết được thông qua.

Đối với pháp lệnh, nghị quyết đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua mà Chủ tịch nước đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại theo quy định tại khoản 7 Điều 103 của Hiến pháp thì Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại những vấn đề mà Chủ tịch nước có ý kiến. Nếu pháp lệnh, nghị quyết đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất. Trong các trường hợp này thì thời hạn công bố *chậm nhất là mười ngày*, kể từ ngày Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua hoặc Quốc hội quyết định.

Thời điểm có hiệu lực và đăng công báo văn bản quy phạm pháp luật

- Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật được quy định trong văn bản nhưng *không sớm hơn bốn mươi lăm ngày*, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.
- Văn bản quy phạm pháp luật *phải được đăng Công báo*. Văn bản quy phạm pháp luật không đăng Công báo thì không có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp văn bản quy phạm pháp luật quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh nói trên.
- Trong thời hạn chậm nhất là *hai ngày làm việc*, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo. Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là *mười lăm ngày*, kể từ ngày nhận được văn bản. Văn bản quy phạm pháp luật đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như văn bản gốc.



Những trường hợp khác về hiệu lực

- Hiệu lực trở về trước
- Ngưng hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật
- Hết hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật



Hiệu lực về không gian và đối tượng tác động

- VBQPPL của các cơ quan nhà nước ở trung ương có hiệu lực trong phạm vi cả nước và áp dụng đối với mọi cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam, trừ trường hợp văn bản đó quy định khác.
- Văn bản của HĐND, UBND ban hành có hiệu lực trong phạm vi địa phương đó.

Nguyên tắc áp dụng, đăng tải và đưa tin văn bản quy phạm pháp luật

- Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm có hiệu lực.
- Trong trường hợp văn bản có quy định hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.
- Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn, hoặc áp dụng văn bản mà trong đó có quy định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật.
- Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật về cùng một vấn đề do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau thì áp dụng quy định của văn bản ban hành sau.
- Nếu có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa văn bản quy phạm pháp luật với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế.

Văn bản quy phạm pháp luật phải được *đăng tải toàn văn* trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản chậm nhất là *hai ngày*, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành và *phải đưa tin* trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Giám sát, kiểm tra và xử lý văn bản qui phạm pháp luật trái pháp luật

- Văn bản quy phạm pháp luật phải được gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giám sát, kiểm tra theo quy định của pháp luật.
- Việc giám sát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được tiến hành nhằm phát hiện những nội dung sai trái hoặc không còn phù hợp để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản, đồng thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản sai trái.

Thẩm quyền giám sát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật



- Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội
- Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật
- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật



IV. Điều ước quốc tế

- Khái niệm
- Phân loại
- Mối quan hệ với pháp luật quốc gia.



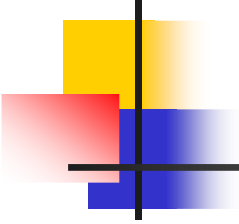
Khái niệm

Điều ước quốc tế là những thoả thuận giữa các chủ thể của Luật quốc tế (trước hết và chủ yếu là các quốc gia) trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, dù được ghi nhận trong một văn kiện duy nhất hoặc trong hai hay nhiều văn kiện có quan hệ với nhau và với bất kể tên gọi riêng của nó là gì nhằm xác định, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia trên những lĩnh vực mà các bên quan tâm, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế hiện đại.



Phân loại điều ước quốc tế

- Căn cứ vào **danh nghĩa** của điều ước quốc tế:
 - Điều ước quốc tế được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước
 - Điều ước quốc tế được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Chính phủ
- Căn cứ vào **chủ thể** ký kết:
 - Điều ước quốc tế song phương
 - Điều ước quốc tế đa phương.



Khái quát quá trình ký kết và gia nhập điều ước quốc tế

- a) Đề xuất về việc đàm phán và ký điều ước quốc tế
- b) Quyết định việc đàm phán và ký điều ước quốc tế
- c) Hồ sơ trình về việc đàm phán, ký điều ước quốc tế
- d) Đàm phán và soạn thảo điều ước quốc tế
- đ) Thẩm định dự thảo điều ước quốc tế
- e) Ký điều ước quốc tế
- g) Phê chuẩn/Phê duyệt điều ước quốc tế
- h) Gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên
- i) Bảo lưu điều ước quốc tế nhiều bên
- k) Công bố và đăng ký điều ước quốc tế.



Mối quan hệ giữa điều ước quốc tế với pháp luật quốc gia

- Nội luật hóa
- Áp dụng trực tiếp

Nghị quyết số 71/2006/QH11 ngày 29-11-2006 phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) của nước CH XHCN Việt Nam.



V. Hệ thống hoá pháp luật

- Tập hợp hoá
- Pháp điển hoá./.